

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/DS-ST

Ngày: 18 - 8 - 2020

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm

Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hạnh và bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18-8-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* thụ lý số: 185/2019/TLST-DS ngày 02/12/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXX-DS ngày 20/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-DS ngày 20/7/2020 và thông báo chuyển lịch ngày 03-8-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H’N Byă, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Buôn S, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng bà Trần Thị H (tên thường gọi: T), sinh năm 1971 và ông Hoàng Triển V, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Thôn X, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

-*Người làm chứng:* bà Trần Thị Lan H, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Buôn S, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà H'N Bỹ trình bày:

Tôi có quen biết vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triển V thông qua bà Trần Thị Lan H (là chị gái của bà H). Vào ngày 24/9/2014 tôi có cho vợ chồng bà Trần Thị H (còn gọi là TH) và ông Hoàng Triển V (còn gọi là T) vay số vàng là 33 chỉ vàng 9999, đồng thời vay số tiền 42.680.000 đồng. Việc vay nợ này không có cầm cố, thế chấp tài sản gì. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Hai bên có viết giấy “Bản cam kết cho vay tiền lãi suất”. Hẹn 10 ngày sau sẽ trả nợ. Tuy nhiên, do không để ý nên trong giấy vay lại ghi nhầm ngày trả nợ là ngày 24/9/2014. Việc vay nợ này có bà Trần Thị Lan H là người chứng kiến. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì vợ chồng bà H, ông V không trả (cả nợ gốc và tiền lãi) như đã cam kết, mặc dù tôi xuống nhà đòi nhiều lần. Do vậy, vợ chồng bà H, ông V có viết cam kết hẹn đến ngày 08/12/2014 sẽ trả đầy đủ số vàng và tiền đã vay.

Nhưng đến ngày 08/12/2014 thì vợ chồng bà H và ông V cũng không trả được nợ cho tôi. Cho đến ngày 31/12/2014 thì vợ chồng bà H, ông V mới trả cho tôi được 33 chỉ vàng 9999 còn lại số tiền 42.680.000 đồng chưa trả được. Số tiền 42.680.000 đồng vợ chồng bà H, ông V quy đổi thành 13,5 chỉ vàng 9999 để trả nợ. Vợ chồng bà H, ông V hẹn 20 ngày sau sẽ trả số vàng 13,5 chỉ vàng 9999 cho tôi nhưng cũng không trả được nợ như đã cam kết.

Tại đơn khởi kiện, tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triển V phải trả cho tôi số lượng 13,5 chỉ vàng 9999 quy thành tiền là 54.000.000 đồng và lãi suất là 48.600.000 đồng. Tổng cộng là 102.600.000 đồng. Tuy nhiên, trước khi Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tôi có làm đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể: Tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Trần Thị H và ông Hoàng Triển V phải trả 13,5 chỉ vàng 9999. Ngoài ra tôi không yêu cầu vợ chồng bà H và ông V phải trả thêm khoản tiền nào khác nữa.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị vợ chồng tôi phải trả 13,5 chỉ vàng 9999 thì tôi hoàn toàn không đồng ý. Bởi vì, tôi chỉ chấp nhận đồng ý trả số tiền 42.680.000 đồng như giấy vay tiền, vì giấy vay tiền ghi 42.680.000 đồng thực chất là tiền lãi nhưng do tôi không có căn cứ để chứng minh đó là tiền lãi nên vợ chồng tôi chấp nhận trả. Do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi năm

5.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ. Số tiền này khi bà H'N Byă tính thành vàng để cho dễ tính nên tôi ký vậy chứ không phải là số vàng tôi vay.

Bị đơn, ông Hoàng Triễn V trình bày: Nhất trí với lời trình bày của bà Trần Thị H và không trình bày gì thêm.

Người làm chứng: bà Trần Thị Lan H trình bày: tôi là chị gái của bà Trần Thị H đồng thời là hàng xóm của bà H'N Byă. Sự việc vay nợ giữa vợ chồng bà H với bà H'N Byă như thế nào thì tôi không biết, tôi chỉ được bà H'N Byă đề nghị đứng ra làm chứng ký vào bản cam kết cho vay tiền lãi suất đề ngày 24/9/2014 trong đó tôi nghe nói là vay 33 chỉ vàng 9999 còn lại tiền lãi là 42.680.000 đồng, tôi có nghe bà H'N Byă nói là tiền lãi khi nào làm ăn có thì trả, đồng thời có làm chứng lần cam kết trả nợ vào ngày 08/12/2014 nhưng tôi không đọc và không biết nội dung trong giấy như thế nào. Bản thân tôi là người làm nông không được học hành gì nên tôi không có đọc nội dung giấy giấy thỏa thuận vay tiền của các bên. Do bà H'N Byă nói tôi ký thì tôi ký vì tôi là hàng xóm quen biết với bà H'N Byă, nếu tôi không ký thì bà H'N Byă không cho vợ chồng bà H, ông V vay tiền, tôi xác định rõ mặc dù tôi là người ký vào người làm chứng nhưng tôi không biết cụ thể nội dung giấy viết gì và cũng không biết các bên trao đổi những tài sản gì với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn xét xử còn vi phạm theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triễn V phải trả cho bà H'N Byă số tiền 42.680.000 đồng như giấy vay tiền.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà H'N Byă khởi kiện bị đơn là vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triễn V, có địa chỉ tại thôn X, xã E, thị xã

B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi và không quy đổi số lượng 13,5 chỉ vàng 9999 thành tiền, xác định chỉ khởi kiện bị đơn phải trả số lượng 13,5 chỉ vàng 9999. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt và đã có lời khai tại Tòa án nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà H'N Byă khởi kiện bị đơn là vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triễn V phải trả số lượng 13,5 chỉ vàng 9999. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triễn V phải trả số lượng 13,5 chỉ vàng 9999, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Giữa bà H'N Byă và bà Trần Thị H là quen biết với nhau. Từ chỗ quen biết nên bà H có vay của bà H'N Byă nhiều lần tiền và vàng. Đến ngày 24/4/2014 thì các bên đã chốt sổ, thể hiện bà H còn nợ bà H'N Byă 33 chỉ vàng 9999 và 42.680.000 đồng. Số nợ này được vợ chồng bà H và ông V ký xác nhận. Đến ngày 31/12/2014, vợ chồng bà H, ông V đã trả được 33 chỉ vàng 9999, và còn nợ lại 42.680.000 đồng. Tuy nhiên, khi đó bà H ký nhận là nợ 13,5 chỉ vàng 9999, còn ông V không ký xác nhận. Như vậy, thực chất số lượng 13,5 chỉ vàng 9999 mà bà H ký nhận nợ với bà H'N Byă chính là số tiền nợ 42.680.000 đồng được quy đổi thành tiền.

[4.2] Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn vợ chồng bà H và ông V đều không thừa nhận và không đồng ý trả số lượng 13,5 chỉ vàng mà bà H'N Byă khởi kiện, mà chỉ đồng ý trả số tiền 42.680.000 đồng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà H'N Byă cũng xác nhận số lượng 13,5 chỉ vàng 9999 là do quy đổi từ số tiền 42.680.000 đồng.

[5] Từ những vấn đề nêu tại tiểu mục [4.1]-[4.2], Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cần buộc bị đơn là vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triễn V phải trả cho bà H'N Byă số tiền 42.680.000 đồng là phù hợp.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng bà Trần Thị H, ông Hoàng Triễn V phải trả số vàng 13,5 chỉ vàng 9999 tương ứng trị giá thành tiền là 54.000.000đ là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận đối với số tiền vượt quá số tiền 42.680.000đ như đã nhận định mục [5].

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận 1 phần nên nguyên đơn phải chịu án phí phần không được chấp nhận, cụ thể 54.000.000 đồng – 42.680.000 đồng = 11.320.000 đồng x 5% = 566.000 đồng, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 42.680.000 đồng x 5% = 2.134.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 , Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H'N Byă.

Buộc bị đơn là vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triễn V phải có nghĩa vụ trả cho bà H'N Byă số tiền 42.680.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H'N Byă đối với yêu cầu về việc buộc vợ chồng bà Trần Thị H, ông Hoàng Triễn V phải trả phần vượt quá 54.000.000 đồng – 42.680.000 đồng = 11.320.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Vợ chồng bà Trần Thị H và ông Hoàng Triễn V phải chịu 2.134.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà H'N Byă phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận là 566.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.598.000 đồng và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.032.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2019/0004663 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- CCTHADS thị xã;
- Các đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm